

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 1 - NĂM 2017 (NIÊN CHẾ)

(Kèm theo Quyết định số 1046/QĐ-MĐC ngày 04 tháng 8 năm 2017)

ST T	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1111060115	Lê Văn	Số	22/12/1992	Nam	6.20	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CCCDTD56B
2	1211060084	Nguyễn Đăng	Khoa	10/09/1994	Nam	5.77	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Điện khí hóa	CCDDDK57
3	1111020030	Nguyễn Trọng	Dũng	02/04/1993	Nam	6.07	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC57B
4	1111040029	Trần Văn	Dương	07/04/1992	Nam	5.79	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác	CCMOKT57A
5	1211030128	Đỗ Đăng	Quang	22/06/1994	Nam	5.86	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	CCTDDC57
6	1211030131	Phùng Ngọc	Quyết	05/09/1994	Nam	5.90	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	CCTDDC57
7	1211030050	Phạm Xuân	Hiển	14/07/1994	Nam	6.18	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Địa chính	CCTDDC57
8	1211030083	Vũ Trung	Kiên	01/11/1994	Nam	6.22	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD57A
9	0821050150	Phạm Văn	Duy	06/11/1989	Nam	6.32	Trung bình khá	Công nghệ thông tin	Tin học Địa chất	DCCTDC53
10	1331061001	Lê Thế	Anh	10/10/1991	Nam	6.84	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
11	1331061002	Nguyễn Văn	Chuyên	27/12/1991	Nam	6.68	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
12	1331061004	Trần Việt	Cường	07/08/1991	Nam	6.36	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCDDDK6QN
13	1331061005	Nguyễn Anh	Dũng	21/12/1986	Nam	6.80	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
14	1331061006	Ngô Tường	Duy	12/11/1991	Nam	7.00	Khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
15	1331061007	Vũ Anh	Hào	01/03/1991	Nam	6.85	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
16	1331061013	Lê Văn	Mạnh	08/08/1990	Nam	6.83	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN



17	1331061019	Lê Anh	Sơn	22/12/1990	Nam	6.69	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
18	1331061021	Nguyễn Tiến	Tấn	21/09/1991	Nam	6.40	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
19	1331061022	Trần Duy	Thành	23/03/1991	Nam	6.36	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
20	1331061023	Nguyễn Văn	Thương	28/01/1990	Nam	6.36	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
21	1331061024	Nguyễn Văn	Trình	24/02/1991	Nam	6.44	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
22	1331061025	Nguyễn Quang	Trung	01/08/1989	Nam	6.73	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
23	1331061027	Hoàng Văn	Tuấn	03/01/1991	Nam	6.40	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
24	1331061028	Phùng Thế	Vũ	19/03/1990	Nam	6.87	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK6QN
25	1231030009	Phạm Đức	Anh	03/10/1989	Nam	6.42	Trung bình khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTD5B
26	1231060051	Nguyễn Văn	Toan	05/03/1990	Nam	6.82	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK5QN
27	0821050197	Phạm Văn	Phương	10/02/1990	Nam	6.46	Trung bình khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV53B



Số: 1045/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học Chương trình tiên tiến, khóa 1, khóa 2 và khóa 3 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Chánh văn phòng Chương trình tiên tiến;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 17 sinh viên đại học Chương trình tiên tiến, khóa 1, khóa 2 và khóa 3 hệ chính quy ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật hóa học (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 1 - NĂM 2017 (TIN CHỈ)

(Kèm theo Quyết định số 1045 /QĐ-MDC ngày 04 tháng 8 năm 2017)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBC	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	CTTT10210112	Dương Tiến	Anh	05/08/1991	Nam	2.68	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K1
2	CTTT10210103	Nguyễn Đình	Chuyên	10/03/1991	Nam	3.03	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K1
3	CTTT10210125	Vũ Ngọc	Hải	07/07/1992	Nam	2.77	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K1
4	CTTT10210107	Nguyễn Đình	Huy	28/12/1992	Nam	2.62	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K1
5	CTTT11210127	Trương Hải	Thượng	29/10/1993	Nam	3.07	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K2
6	CTTT12210104	Dương Văn	Chung	17/02/1994	Nam	2.94	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K3
7	CTTT12210106	Trần Hoàng	Dũng	25/06/1994	Nam	2.71	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K3
8	CTTT12210109	Nguyễn Việt	Hung	01/08/1994	Nam	3.51	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K3
9	CTTT12210112	Nguyễn Thị Thùy	Linh	22/08/1994	Nữ	3.32	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K3
10	CTTT12210117	Bùi Ngọc	Nam	01/06/1994	Nam	3.08	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K3
11	CTTT12210115	Trần Mạnh	Ngọc	11/10/1994	Nam	2.66	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K3
12	CTTT12210119	Trần Thị	Phượng	20/05/1994	Nữ	3.32	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K3
13	CTTT12210131	Vũ Trường	Sơn	25/10/1994	Nam	2.52	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K3
14	CTTT12210132	Nguyễn Đức	Thắng	24/10/1990	Nam	3.23	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K3
15	CTTT12210120	Kiều Ngọc	Thành	04/12/1993	Nam	2.87	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K3
16	CTTT12210121	Nguyễn Huy	Thành	20/08/1994	Nam	3.31	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K3
17	CTTT12210127	Nguyễn Quang	Trung	12/08/1994	Nam	2.60	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	CTTT - K3

-182

Số: 1213 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học Chương trình tiên tiến - khóa 3;

Xét đề nghị của ông Chánh văn phòng Chương trình tiên tiến;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên Tô Hữu Thăng sinh ngày 24/02/1994, khóa 3 Chương trình tiên tiến; Chuyên ngành: Lọc-Hóa dầu; Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật hóa học; Điểm Trung bình chung: 3,42; Xếp loại tốt nghiệp: Giỏi.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

Số: 1648/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 56;

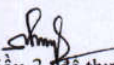
Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên Nguyễn Quang Huy sinh ngày 12/9/1993; Chuyên ngành: Kỹ thuật Môi trường; Ngành đào tạo: Kỹ thuật Môi trường; Điểm Trung bình chung: 2,49; Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận: 
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎



PGS.TS Lê Hải An

Số: 1703/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 57;

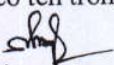
Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên Lê Văn Hòa sinh ngày 17/06/1993; Chuyên ngành: Điện-Điện tử; Ngành đào tạo: Kỹ thuật Điện, điện tử; Điểm Trung bình chung: 2,31; Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎



PGS.TS Lê Hải An

Số: 1847/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học Chương trình tiên tiến, khóa 1, khóa 2 và khóa 3 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Chánh văn phòng Chương trình tiên tiến;

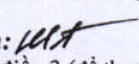
Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 03 sinh viên đại học Chương trình tiên tiến, khóa 1, khóa 2 và khóa 3 hệ chính quy ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật hóa học (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2017 (TÍN CHỈ)

(Kèm theo Quyết định số 1847/QĐ-MĐC ngày 18 tháng 12 năm 2017)



STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	CTTT10210115	Hà Thanh	Tùng	27/01/1992	Nam	2.50	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K1
2	CTTT11210117	Võ Văn	Ngọc	7/10/1991	Nam	2.78	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K2
3	CTTT12210116	Nguyễn Đăng	Ninh	18/3/1994	Nam	2.64	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT K3

102

Số: 1846/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng - khóa 58 và khóa 59 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 19 sinh viên cao đẳng ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật địa chất, Công nghệ kỹ thuật mỏ, Công nghệ kỹ thuật trắc địa (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận: *10/18*

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2017 (TÍN CHỈ)

(Kèm theo Quyết định số 1846/QĐ-MĐC ngày/12 tháng /12 năm 2017)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1121060002	Cao Việt	Anh	1/8/1993	Nam	2.22	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CCCDTD59
2	1311050058	Nguyễn Văn	Tiến	29/09/1995	Nam	2.12	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	CCCTCT58
3	1411050035	Nguyễn Quốc	Huy	18/09/1996	Nam	2.27	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	CCCTCT59
4	1411050073	Nguyễn Đức	Toàn	27/11/1996	Nam	2.11	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	CCCTCT59
5	1311020029	Phạm Công	Huân	21/12/1994	Nam	2.65	Khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC58
6	1311020054	Nguyễn Đình	Phương	26/04/1994	Nam	2.16	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC58
7	1311020065	Nguyễn Văn	Son	6/8/1994	Nam	2.01	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC58
8	1311020069	Đặng Quang	Thành	9/9/1994	Nam	2.15	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CCDCDC58
9	1311040023	Đỗ Ngọc	Duy	16/10/1995	Nam	2.19	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT58
10	1311040057	Trần Văn	Hưng	28/09/1994	Nam	2.26	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT58
11	1311040067	Nguyễn Thành	Long	26/11/1995	Nam	2.08	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT58
12	1311040114	Phạm Thị Phương	Thúy	25/04/1995	Nữ	2.62	Khá	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT58
13	1411040030	Phạm Quốc	Hưng	18/06/1996	Nam	2.38	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật mỏ	Khai thác mỏ	CCMOKT59
14	1311030163	Nguyễn Trọng	Đức	6/4/1995	Nam	2.01	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD58
15	1311030029	Nguyễn Phú	Hải	15/10/1994	Nam	2.07	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD58
16	1311030043	Nguyễn Vinh	Hoa	5/7/1994	Nữ	2.01	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDTD58



17	1411030021	Nguyễn Minh Đức	10/11/1996	Nam	2.03	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDID59
18	1411030039	Lê Văn Luận	3/4/1996	Nam	2.10	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDID59
19	1411030067	Nguyễn Hữu Trung	22/11/1996	Nam	2.09	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật trắc địa	Trắc địa	CCTDID59

20/1/2021



Số: 1845/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học khóa 54, khóa 55, khóa 56, khóa 57 và ngành kinh tế khóa 58 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 388 sinh viên đại học ngành đào tạo: Kỹ thuật Điện, điện tử, Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Địa chất, Kỹ thuật Dầu khí, Kỹ thuật Địa vật lý, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Tuyển khoáng, Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ và Kỹ thuật Công trình xây dựng (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận: *HLT*

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2017 (TÍN CHỈ)

(Kèm theo Quyết định số 1845/QĐ-MĐC ngày 18 tháng 12 năm 2017)

ST T	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1121060071	Trần Tiến	Huy	10/1/1993	Nam	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	DCCDDK56B
2	1221060065	Nguyễn Bá	Hung	25/05/1994	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	DCCDDK57
3	1221060079	Vũ Văn	Linh	4/9/1994	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	DCCDDK57
4	1221060082	Tô Văn	Long	21/12/1994	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	DCCDDK57
5	1221060386	Phạm Văn	Quyết	5/4/1994	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	DCCDDK57
6	1221060178	Phạm Khánh	Tuyền	25/10/1994	Nam	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	DCCDDK57
7	1221060226	Nguyễn Văn	Công	16/08/1993	Nam	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện-Điện tử	DCCDDT57
8	1221060200	Trần Văn	Đạt	18/04/1994	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện-Điện tử	DCCDDT57
9	1221060297	Phạm Ngọc	Hung	14/09/1994	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện-Điện tử	DCCDDT57
10	1221060060	Nguyễn Thế	Huy	31/03/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện-Điện tử	DCCDDT57
11	1221060378	Trần Văn	Quân	12/8/1993	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện-Điện tử	DCCDDT57
12	1221060377	Nguyễn Đức	Quý	20/11/1993	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện-Điện tử	DCCDDT57
13	1221060389	Hoàng Ngọc	Son	22/01/1994	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện-Điện tử	DCCDDT57
14	1221060022	Nguyễn Văn	Dinh	12/10/1994	Nam	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Hệ thống điện	DCCDHT57
15	1221060202	Hồ Văn	Được	13/09/1994	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Hệ thống điện	DCCDHT57
16	1221060123	Trịnh Công	Thành	22/12/1993	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Hệ thống điện	DCCDHT57



17	1221060201	Lê Quang	Đường	10/1/1993	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Thiết bị mô	DCCDMT57
18	1221060055	Phạm Văn	Huấn	13/06/1994	Nam	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Thiết bị mô	DCCDMT57
19	1221060057	Đỗ Văn	Hùng	6/4/1994	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Thiết bị mô	DCCDMT57
20	1221060393	Nguyễn Ngọc	Son	9/3/1994	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Thiết bị mô	DCCDMT57
21	1221060174	Hoàng Thanh	Tùng	15/05/1994	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Cơ khí	Máy và Thiết bị mô	DCCDMT57
22	1221060316	Phạm Thanh	Tùng	23/02/1993	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS6B
23	1221060243	Nguyễn Văn	Dừa	6/6/1993	Nam	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7A
24	1221060045	Trần Xuân	Hiệp	20/02/1994	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7A
25	1221060070	Trần Duy	Khánh	15/02/1994	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7A
26	1221060330	Vũ Thị	Liên	17/07/1994	Nữ	2.76	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7A
27	1221060356	Vũ Bá	Nam	26/06/1994	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7A
28	1221060418	Phạm Đức	Thắng	3/1/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7A
29	1221060444	Hứa Văn	Tiến	12/3/1991	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7A
30	1221060165	Vũ Anh	Tú	10/3/1994	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7A
31	1221060482	Dương Văn	Tuấn	23/06/1993	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7A
32	1221060180	Võ Thế	Việt	13/04/1994	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7A
33	1221060014	Vũ Minh	Chính	14/09/1994	Nam	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7B
34	1221060290	Bùi Trung	Hiếu	10/12/1994	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7B
35	1221060053	Phạm Việt	Hoàng	31/08/1994	Nam	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTS7B

205-182

36	1221060098	Nguyễn Nhân	Ninh	21/01/1993	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57B
37	1221060385	Trần Ngọc	Quý	15/09/1993	Nam	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57B
38	1221060419	Phạm Văn	Thắng	5/10/1994	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57B
39	1221060433	Trần Xuân	Thu	20/02/1994	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57B
40	1221060157	Lê Đình	Trường	8/5/1993	Nam	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57B
41	1221011017	Chu Đình	Chung	4/9/1993	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57VT
42	1221011170	Nguyễn Tiến	Đạt	20/06/1994	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57VT
43	1221011219	Phạm Văn	Hành	9/1/1994	Nam	2.15	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57VT
44	1221011154	Huỳnh Phi	Quốc	4/5/1994	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57VT
45	1221011070	Nguyễn Đình	Thành	10/10/1993	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57VT
46	1121011074	Ninh Quang	Tùng	28/05/1992	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57VT
47	1221011085	Nguyễn Tiến	Tùng	6/11/1994	Nam	2.28	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	DCCDTD57VT
48	1221050012	Nguyễn Hữu	Báu	12/3/1994	Nam	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC57
49	1221050015	Nguyễn Văn	Biển	20/11/1994	Nam	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC57
50	1221050036	Trần Trung	Đức	23/12/1994	Nam	2.10	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC57
51	1221050233	Nguyễn Thị	Hợp	16/07/1994	Nữ	2.85	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học địa chất	DCCTDC57
52	1221050037	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	17/06/1994	Nữ	2.81	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT57
53	1221050222	Vũ Đức	Hiển	6/9/1993	Nam	2.55	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT57
54	1221050272	Phạm Văn	Lập	13/06/1994	Nam	2.55	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học kinh tế	DCCTKT57

20/10/2022

55	0921050029	Ngô Băng	Khanh	20/07/1991	Nữ	2.10	Trung bình	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM54
56	1221050381	Vũ Thị	Thảo	27/01/1993	Nữ	2.54	Khá	Công nghệ thông tin	Mạng máy tính	DCCTMM57
57	1221050093	Hoàng Ngọc	Tân	9/7/1994	Nam	2.05	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học mô	DCCTMO57
58	1021050235	Khuất Thị	Duyên	20/05/1991	Nữ	2.32	Trung bình	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM55
59	1124010401	Nguyễn Hồng	Vân	31/08/1993	Nữ	3.31	Giỏi	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM56
60	1221050059	Nguyễn Huy	Kiên	29/09/1994	Nam	2.54	Khá	Công nghệ thông tin	Công nghệ phần mềm	DCCTPM57
61	1121050030	Nguyễn An	Đức	2/10/1991	Nam	2.41	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD56
62	1221050002	Đặng Tuấn	Anh	24/03/1994	Nam	2.34	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD57
63	1221050013	Lê Hải	Bắc	14/03/1994	Nam	2.33	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD57
64	1221050026	Nguyễn Văn	Dược	11/7/1994	Nam	2.77	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD57
65	1221050086	Nguyễn Mạnh	Quân	11/10/1994	Nam	2.39	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD57
66	1221050085	Trịnh Văn	Quảng	27/10/1994	Nam	2.75	Khá	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD57
67	1221050114	Đỗ Gia	Tùng	13/11/1993	Nam	2.47	Trung bình	Công nghệ thông tin	Tin học trắc địa	DCCTTD57
68	0921020119	Vũ Văn	Tâm	1/1/1990	Nam	2.02	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT54A
69	1021020130	Lê Kiều	Hung	22/07/1992	Nam	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT55B
70	1121020236	Nguyễn Thị	Anh	10/10/1993	Nữ	2.97	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT56B
71	1221020227	Hoàng Hùng	Anh	8/9/1992	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57A
72	1221020237	Nguyễn Tuấn	Anh	6/11/1994	Nam	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57A
73	1221020037	Nguyễn Tiến	Đạt	14/01/1994	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57A

20/10/2022

74	1221020267	Cao Tiến	Dũng	20/06/1994	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57A
75	1221020092	Nguyễn Đình	Lộc	30/11/1993	Nam	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57A
76	1221020127	Nguyễn Xuân	Son	9/9/1994	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57A
77	1221020147	Đinh Hữu	Thịnh	16/08/1993	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57A
78	1221020530	Lê Văn	Tuấn	24/05/1994	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57A
79	1221020182	Ngô Quốc	Việt	11/9/1993	Nam	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57A
80	1221020034	Nguyễn Văn	Đạo	14/05/1993	Nam	2.77	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57B
81	1221020220	Phạm Minh	Đức	25/03/1994	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57B
82	1221020122	Đỗ Xuân	Quyết	26/11/1994	Nam	2.04	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57B
83	1221020154	Nguyễn Ngọc	Tiến	14/08/1994	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57B
84	1221020161	Lại Khắc	Trung	16/07/1994	Nam	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất CT-Địa kỹ thuật	DCDCCT57B
85	1221020231	Ngô Tuấn	Anh	22/04/1994	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57A
86	1221020075	Trịnh Khánh	Hung	29/09/1994	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57A
87	1221020091	Phạm Tài	Linh	2/11/1994	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57A
88	1221020094	Lê Đình	Lượng	5/10/1994	Nam	3.07	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57A
89	1221020419	Nguyễn Văn	Phượng	20/04/1994	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57A
90	1221020141	Nguyễn Mai	Thắng	2/5/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57A
91	1221070005	Nguyễn Tuấn	Anh	26/06/1994	Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
92	1221020214	Hoàng Văn	Đoàn	10/6/1990	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B

20/10/2022

93	1221020052	Nguyễn Thị	Giảng	17/02/1994	Nữ	2.66	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
94	1221020060	Nguyễn Viết	Hiệp	27/02/1994	Nam	2.71	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
95	1221020295	Bùi Thanh	Hồng	1/9/1987	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
96	1221020286	Đàm Thị Thu	Hương	10/4/1994	Nữ	2.90	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
97	1221020118	La Thái	Quảng	14/05/1994	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
98	1221020153	Hoàng Mạnh	Tiến	24/10/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
99	1221020515	Trần Thị Thu	Trang	18/03/1994	Nữ	2.83	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
100	1221020174	Hoàng Xuân	Tùng	20/03/1993	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
101	1221020539	Trần Ngọc	Tuyền	28/09/1994	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	DCDCDC57B
102	1121020028	Hoàng Đình	Dũng	16/04/1992	Nam	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK56
103	1221020023	Đào Anh	Dũng	1/8/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK57
104	1221020058	Phạm Thị Kim	Hiền	24/12/1994	Nữ	2.94	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK57
105	1221020346	Nguyễn Tùng	Lâm	5/11/1994	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK57
106	1221020097	Vũ Văn	Mậu	19/10/1994	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK57
107	1221020104	Phan Cao	Nguyễn	3/3/1994	Nam	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK57
108	1221020484	Trần Thị	Thúy	25/08/1994	Nữ	2.70	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Nguyên liệu khoáng	DCDCNK57
109	1021020113	Vũ Đức	Học	5/5/1992	Nam	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV55
110	1121020261	Nguyễn Danh	Đại	6/10/1991	Nam	2.79	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV56A
111	1221020246	Lê Thị	Bốn	19/05/1993	Nữ	2.60	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV57A

205-202

112	1221020204	Tống Đức	Đông	15/03/1994	Nam	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV57A
113	1221020069	Hoàng Mạnh	Hùng	25/09/1994	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV57A
114	1221020542	Phạm Lương	Tín	25/09/1994	Nam	2.10	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV57A
115	1221020066	Nguyễn Công	Hoan	13/10/1994	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV57B
116	1221020545	Vũ Văn	Việt	6/4/1994	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất thủy văn-ĐCCT	DCDCTV57B
117	0821010295	Bùi Trọng	Sơn	1/3/1990	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	DCDKDC54
118	1021010220	Nguyễn Thị	May	15/11/1992	Nữ	3.04	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất dầu khí	DCDKDC55
119	1221010065	Doãn Thị	Diệu	6/4/1994	Nữ	2.96	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC57
120	1221010142	Lê Đức	Hoàng	25/02/1992	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC57
121	1221010189	Trần Mạnh Hoàng	Kim	20/02/1994	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Địa chất dầu khí	DCDKDC57
122	1121010354	Trần Ngọc	Toàn	11/1/1993	Nam	2.90	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV56
123	1221020039	Phạm Đức	Đạt	14/09/1993	Nam	2.77	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV57
124	1221010134	Nguyễn Thế	Hiếu	5/3/1993	Nam	2.52	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV57
125	1221010133	Lương Đức	Hiếu	29/07/1994	Nam	2.89	Khá	Kỹ thuật Địa vật lý	Địa vật lý	DCDKDV57
126	0920000005	Đỗ Ngọc	Chuyển	21/04/1990	Nam	2.39	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK54VT
127	1021010042	Nguyễn Đình	Chính	27/12/1992	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK55
128	1121020203	Lê Thành	Trung	3/1/1993	Nam	2.43	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK56A
129	1221010048	Trần Sỹ	Công	28/12/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57A
130	1221010057	Nguyễn Thế	Cường	16/08/1993	Nam	2.81	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57A

20/5/2022

131	1221040386	Tổng Đức	Hùng	27/03/1993	Nam	2.72	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57A
132	1221010219	Nguyễn Thành	Long	20/02/1994	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57A
133	1221030101	Cán Đức	Lương	15/09/1994	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57A
134	1221010379	Bùi Xuân	Trưởng	22/03/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57A
135	1221010016	Nguyễn Tuấn	Anh	26/04/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57B
136	1221020280	Hà Trọng	Giáp	19/10/1994	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57B
137	1221010158	Nguyễn Tuấn	Huy	27/01/1994	Nam	3.09	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57B
138	1221010196	Nguyễn Tùng	Lâm	4/2/1994	Nam	2.94	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57B
139	1224010216	Hoàng Ngọc	Phúc	5/12/1993	Nam	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57B
140	1221010386	Dương Anh	Tuấn	27/05/1994	Nam	2.65	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57B
141	1221010390	Lê Minh	Tuấn	6/4/1994	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57B
142	1221010406	Nguyễn Sơn	Tùng	23/12/1994	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57B
143	1221011221	Phạm Ngọc	Quang	18/02/1994	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57VT
144	1221011087	Nguyễn Thanh	Toàn	20/11/1993	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan-Khai thác dầu khí	DCDKKK57VT
145	1221010072	Đỗ Văn	Duy	4/12/1994	Nam	2.80	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKKT57
146	1221010200	Tô Thế	Lịch	9/1/1994	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKKT57
147	1221010222	Đinh Lý	Luận	30/03/1994	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKKT57
148	1221010394	Nguyễn Văn	Tuấn	17/07/1994	Nam	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKKT57
149	1221010407	Phạm Xuân	Tùng	13/07/1994	Nam	3.13	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Khoan thăm dò-Khảo sát	DCDKKKT57

20/5/1992

150	1021010059	Lê Bá	Cường	2/8/1992	Nam	2.13	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD55B
151	1064040052	Hoàng Văn	Tuấn	10/7/1992	Nam	2.16	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD55TH
152	1221060005	Nguyễn Xuân	Anh	20/04/1994	Nam	2.18	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD57A
153	1221010017	Nguyễn Tuấn	Anh	2/5/1994	Nam	2.66	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD57A
154	1221010502	Nguyễn Tấn	Phước	10/3/1992	Nam	3.69	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD57B
155	1221010108	Trần Minh	Đức	17/03/1994	Nam	2.55	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD57B
156	1221010349	Nguyễn Tiến	Thường	13/10/1994	Nam	2.80	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD57B
157	1221010369	Ma Đình	Trọng	1/10/1994	Nam	2.24	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD57B
158	1221030453	Vũ Thanh	Tùng	27/01/1994	Nam	2.30	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD57B
159	1221010430	Lê Văn	Yêu	24/06/1994	Nam	2.70	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc - Hóa dầu	DCDKLD57B
160	1121011026	Nguyễn Việt	Hoàng	5/3/1993	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB56VT
161	1221010111	Nguyễn Hồng	Giang	26/04/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB57
162	1221010124	Đặng Đình	Hán	6/8/1994	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB57
163	1221010281	Nguyễn Hồng	Quân	12/8/1993	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB57
164	1221010377	Đỗ Xuân	Trường	17/11/1994	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB57
165	1221010424	Đỗ Đức	Vương	17/01/1994	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB57
166	1321010165	Phạm Xuân	Hội	25/12/1995	Nam	2.89	Khá	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	DCDKTB58
167	1124010134	Đỗ Văn	Hung	12/2/1993	Nam	2.18	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD56A
168	1124010198	Hoàng Thị Hương	Ly	20/08/1993	Nữ	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD56A

20-10-202

169	1121010405	Đặng Thị Xoa	5/4/1993	Nữ	3.38	Giỏi	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57A
170	1224010318	Hoàng Anh Tú	15/12/1994	Nam	2.05	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD57B
171	1324010021	Vũ Hiền Thực Anh	30/12/1995	Nữ	2.59	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58A
172	1321050081	Nguyễn Thị Thu Hồng	11/11/1995	Nữ	2.97	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58A
173	1324010139	Nguyễn Quang Khanh	5/10/1995	Nam	2.34	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58A
174	1324010188	Đỗ Duy Nam	25/09/1995	Nam	2.61	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58A
175	1324010604	Ngô Hồng Ngọc	21/09/1995	Nữ	2.64	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58A
176	1324010220	Phạm Xuân Phúc	28/12/1995	Nam	2.60	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58A
177	1324010226	Nguyễn Phúc Phương	14/04/1993	Nam	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58A
178	1324010242	Trần Hồng Quân	6/7/1995	Nam	2.67	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58A
179	1324010664	Nguyễn Đình Sơn	11/3/1995	Nam	2.81	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58A
180	1321020232	Phạm Thành Trung	27/03/1995	Nam	2.56	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58A
181	1324010105	Hoàng Thị Hòa	10/2/1995	Nữ	2.54	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58B
182	1324010536	Mai Hương	28/09/1995	Nữ	2.65	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58B
183	1324010189	Nguyễn Thành Nam	18/11/1995	Nam	2.82	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58B
184	1324010331	Nguyễn Hữu Tuấn	7/8/1994	Nam	2.66	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58B
185	1324010035	Nguyễn Đức Diện	10/11/1995	Nam	2.21	Trung bình	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58C
186	1324010079	Trần Thị Thu Hà	18/10/1995	Nữ	2.69	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58C
187	1324010090	Nguyễn Thị Thúy Hằng	26/03/1995	Nữ	2.70	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DCKTKD58C

20/10/2022

188	1324010109	Nguyễn Thị	Hoài	12/12/1995	Nữ	2.70	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
189	1324010183	Hà Thị Nga	My	25/11/1995	Nữ	2.53	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
190	1324010208	Dương Thị	Nhài	30/04/1995	Nữ	2.88	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
191	1324010240	Lê Anh	Quân	22/12/1995	Nam	2.58	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
192	1324010655	Phan Văn	Quyết	19/04/1995	Nam	2.53	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
193	1324010300	Trần Văn	Tiến	13/10/1995	Nam	2.66	Khá	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	DKCTKD58C
194	1324010411	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	6/9/1995	Nữ	2.52	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58A
195	1321030682	Nguyễn Phương	Linh	18/10/1994	Nữ	2.52	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58A
196	1324010194	Nguyễn Thị Thu	Nga	14/09/1995	Nữ	2.42	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58A
197	1324010264	Phạm Phương	Thảo	22/06/1994	Nữ	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58A
198	1324010276	Trần Thị	Thom	14/11/1995	Nữ	2.82	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58A
199	1324010311	Lê Thị Huyền	Trang	27/10/1995	Nữ	2.78	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58A
200	1324010015	Nguyễn Trung	Anh	2/12/1995	Nam	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58B
201	1324010098	Nguyễn Thị	Hiền	26/07/1995	Nữ	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58B
202	1324010224	Lê Thị	Phuong	10/3/1995	Nữ	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58B
203	1324010266	Vũ Thị Thạch	Thảo	31/10/1994	Nữ	2.60	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58B
204	1324010274	Nguyễn Thị	Thom	24/02/1995	Nữ	2.69	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58B
205	1324010290	Nguyễn Thị	Thùy	23/03/1995	Nữ	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58B
206	1324010725	Lê Thùy	Trang	5/10/1995	Nữ	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DKTKT_58B

205-206

207	1324010348	Kim Thị	Xuân	5/12/1995	Nữ	3.09	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58B
208	1324010013	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	23/04/1994	Nữ	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58C
209	1324010078	Phùng Thu	Hà	19/10/1995	Nữ	2.63	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58C
210	1324010143	Trần Thị Tuyết	Lan	5/12/1995	Nữ	3.25	Giỏi	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58C
211	1324010571	Lê Thị Mai	Loan	6/9/1995	Nữ	2.71	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58C
212	1324010180	Lê Thị	Mến	16/05/1995	Nữ	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58C
213	1324010663	Ngô Đình	Son	24/12/1995	Nam	2.58	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58C
214	1324010259	Nguyễn Hương	Thảo	2/3/1995	Nữ	2.55	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58C
215	1324010285	Chu Thị	Thùy	20/10/1994	Nữ	2.74	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58C
216	1324010319	Nguyễn Thủy	Trang	8/1/1995	Nữ	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58C
217	1324010011	Nguyễn Thị Mai	Anh	16/07/1995	Nữ	2.50	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58D
218	1324010082	Nguyễn Thanh	Hải	18/02/1994	Nam	2.84	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58D
219	1324010097	Lê Thị	Hiền	3/5/1995	Nữ	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58D
220	1324010145	Nguyễn Thị	Lệ	30/03/1994	Nữ	2.83	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58D
221	1324010187	Trần Thị	My	22/05/1994	Nữ	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58D
222	1324010595	Đỗ Thị	Ngân	5/1/1995	Nữ	2.30	Trung bình	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58D
223	1324010198	Đỗ Thị Thúy	Ngân	21/03/1995	Nữ	2.66	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58D
224	1324010247	Trần Thị	Quỳnh	29/03/1995	Nữ	2.75	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58D
225	1324010726	Nguyễn Hà	Trang	18/10/1995	Nữ	3.09	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58D

205/10/2022

226	1324010754	Hoàng Thị Vân	Vân	20/01/1995	Nữ	2.94	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58D
227	1324010354	Trần Thị Hải Yến	Yến	31/10/1995	Nữ	2.61	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58D
228	1321020818	Hứa Phương Anh	Anh	27/12/1995	Nữ	2.75	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58G
229	1324010445	Hà Thị Thùy Dương	Dương	6/6/1995	Nữ	2.56	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58G
230	1321040156	Vũ Bảo Linh	Linh	21/10/1995	Nữ	2.72	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58G
231	1324010204	Nguyễn Thị Thùy	Nguyễn	19/02/1995	Nữ	2.59	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58G
232	1324010675	Bùi Phương Thảo	Thảo	3/8/1995	Nữ	3.03	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58G
233	1324010716	Phan Văn Thường	Thường	18/02/1995	Nam	3.13	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	DCKTKT_58G
234	1021040121	Nguyễn Văn Hùng	Hùng	20/08/1992	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT55B
235	1021040185	Vũ Văn Nam	Nam	8/11/1992	Nam	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT55C
236	1121040274	Lê Xuân Tới	Tới	11/10/1993	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT56C
237	1121040332	Phạm Anh Tuấn	Tuấn	1/10/1992	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT56D
238	1121060005	Trần Trung Anh	Anh	23/02/1993	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT56G
239	1221040085	Đào Văn Hiệp	Hiệp	2/4/1994	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57A
240	1221040440	Võ Hồng Quân	Quân	6/1/1993	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57A
241	1221040218	Lê Hồng Thái Tâm	Tâm	10/2/1994	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57A
242	1221040234	Nguyễn Công Thành	Thành	24/06/1994	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57A
243	1221040479	Lê Văn Tuấn	Tuấn	18/11/1994	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57A
244	1221040293	Nguyễn Mạnh Tuấn	Tuấn	27/09/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57A

2/5/2022

245	1221030049	Nguyễn Quý	Hạnh	8/1/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
246	1221040396	Nguyễn Huy	Hoàng	29/08/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
247	1224010128	Hà Đình	Hung	8/7/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
248	1221040410	Phan Hồng	Lam	14/03/1993	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
249	1221040142	Vũ Phúc	Lân	28/11/1994	Nam	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
250	1221040182	Bùi Trung	Nguyễn	7/10/1994	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
251	1221040227	Đoàn Cao	Thanh	15/01/1993	Nam	2.88	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
252	1221040236	Nguyễn Trung	Thành	16/09/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
253	1221040271	Trương Đức	Toán	27/10/1994	Nam	2.73	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57B
254	1221040017	Lê Văn	Biển	8/4/1994	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57C
255	1221040373	Vũ Trường	Giang	6/11/1994	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57C
256	1221040148	Nguyễn Văn	Linh	23/08/1994	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57C
257	1221040206	Nguyễn Đình	Sáng	10/4/1994	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57C
258	1221040297	Trần Anh	Tuấn	20/11/1994	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57C
259	1221040320	Lê Quang	Vĩnh	12/7/1993	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57C
260	1221040025	Nguyễn Văn	Chinh	1/3/1994	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57D
261	1221040358	Lê Mạnh	Cường	24/07/1994	Nam	2.84	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57D
262	1221040053	Nguyễn Mạnh Phúc	Đạt	10/10/1994	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57D
263	1221040126	Phạm Văn	Khánh	12/6/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57D

20/1/2022

264	1221050346	Phan Xuân	Phú	3/7/1994	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57D
265	1221040230	Trương Việt	Thanh	16/03/1994	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57D
266	1221040077	Đình Văn	Hải	17/02/1994	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57G
267	1221040097	Phạm Khắc	Hoàn	12/2/1994	Nam	2.79	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57G
268	1221040421	Doãn Đình	Nam	12/9/1994	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57G
269	1221020449	Tạ Đăng	Tâm	4/10/1993	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57G
270	1221040223	Vũ Ngọc	Tân	26/11/1991	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57G
271	1221040453	Nguyễn Đình	Thắng	17/07/1993	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57G
272	1221030433	Hoàng Minh	Thế	17/08/1994	Nam	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57G
273	1221040283	Nguyễn Xuân	Trường	16/08/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57G
274	1221040286	Lê Công	Tú	14/04/1993	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57G
275	1221040306	Trương Tiến	Tùng	5/7/1994	Nam	2.44	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57G
276	1221040037	Đặng Minh	Duy	14/06/1994	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57H
277	1221040107	Hoàng Văn	Hùng	30/10/1994	Nam	3.23	Giỏi	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57H
278	1221050062	Nguyễn Tùng	Lâm	12/9/1994	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57H
279	1221040188	Lê Hồng	Phong	1/7/1994	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57H
280	1221040189	Vũ Trung	Phong	3/7/1994	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57H
281	1221040201	Nguyễn Duy	Quý	3/11/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57H
282	1224010242	Vũ Thanh	Son	27/09/1994	Nam	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57H

25/10/2

283	1221040263	Lương Minh	Tiến	13/06/1993	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT57H
284	1321040530	Nguyễn Hữu	Mạnh	14/01/1994	Nam	2.90	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	DCMOKT58H
285	1021040565	Vũ Chính	Hữu	20/10/1992	Nam	2.09	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCMONM55A
286	1021040435	Hoàng Anh	Tú	10/9/1992	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCMONM55B
287	1021040235	Nguyễn Đình	Son	24/12/1991	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK55
288	1121040046	Vì Văn	Duy	27/01/1992	Nam	2.07	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK56
289	1221040009	Nguyễn Tuấn	Anh	19/05/1994	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
290	1221040038	Hoàng Đức	Duy	13/11/1994	Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
291	1221040383	Lê Mạnh	Hùng	4/10/1994	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
292	1221040116	Vũ Đình	Hùng	28/04/1994	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
293	1221040160	Nguyễn Hoàng	Lưu	5/3/1994	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
294	1221040178	Phạm Thị Hồng	Ngọc	4/6/1994	Nữ	2.67	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
295	1221040430	Phan Thanh	Nhân	20/12/1994	Nam	2.81	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
296	1221040461	Nguyễn Văn	Tùng	14/10/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
297	1221040309	Nguyễn Minh	Tuyến	26/07/1994	Nữ	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57A
298	1221040084	Vũ Thị	Hiên	22/10/1994	Nữ	2.68	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
299	1221040151	Vũ Thị	Loan	19/01/1994	Nữ	2.81	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
300	1221040169	Nguyễn Văn	Minh	17/10/1993	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
301	1221040232	Hoàng Hữu	Thành	5/8/1994	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B

20/10/2022

302	1221040301	Nguyễn Hữu	Tùng	23/08/1994	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Tuyển khoáng	Tuyển khoáng	DCMOTK57B
303	1121070016	Nguyễn Bảo	Hung	30/10/1993	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm	DCMOXN56
304	1221080026	Nguyễn Thị	Hoa	14/03/1994	Nữ	2.58	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
305	1221080040	Đỗ Thị	Linh	1/10/1994	Nữ	2.94	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
306	1221030555	Nguyễn Hoài	Nam	5/12/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
307	1221080069	Quách Xuân	Thắng	25/11/1994	Nam	2.31	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
308	1221080075	Vũ Thị	Thúy	10/2/1994	Nữ	2.81	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
309	1221080083	Trần Đăng	Tuân	28/11/1994	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Địa sinh thái và CNMT	DCMTDS57
310	1121080031	Lê Duy	Anh	25/09/1993	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật môi trường	DCMTKT56
311	1221080097	Lưu Thế	Dũng	16/10/1992	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật môi trường	DCMTKT57
312	1221080024	Phạm Hồng	Hiếu	15/10/1994	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật môi trường	DCMTKT57
313	1221080052	Đỗ Xuân	Nhất	21/01/1994	Nam	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật môi trường	DCMTKT57
314	1221080076	Bùi Văn	Thường	27/04/1992	Nam	2.47	Trung bình	Kỹ thuật Môi trường	Kỹ thuật môi trường	DCMTKT57
315	1221030280	Nguyễn Thị	Hằng	21/07/1994	Nữ	2.72	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
316	1221030357	Phạm Khắc	Mẫn	13/12/1994	Nam	2.61	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
317	1221030393	Hoàng Khắc	Quỳnh	9/2/1994	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
318	1221030181	Nguyễn Anh	Tuân	16/09/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
319	1221030477	Nguyễn Hải	Tuân	12/3/1994	Nam	2.67	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Bản đồ	DCTDBD57
320	1021030049	Lê Văn	Được	13/11/1991	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC55

Đ.T. 10/2

321	1121030224	Đặng Tuấn	Anh	27/01/1993	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC56
322	1121030311	Nguyễn Thị Thu	Hương	13/06/1992	Nữ	3.44	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC56
323	1221030261	Lê Thị	Cúc	9/8/1994	Nữ	2.99	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
324	1221030061	Bùi Thị Như	Hoa	23/06/1994	Nữ	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
325	1221030068	Nguyễn Khắc	Hoàng	16/01/1994	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
326	1221030298	Phạm Thế	Học	12/9/1994	Nam	2.71	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
327	1221030501	Đỗ Ngọc	Nam	25/10/1993	Nam	2.78	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
328	1221030123	Phạm Văn	Quang	24/02/1994	Nam	2.63	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	DCTDDC57
329	1221030260	Nguyễn Như	Chính	29/10/1994	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
330	1221030042	Đoàn Văn	Hải	25/07/1994	Nam	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
331	1221030117	Nguyễn Thị	Phấn	7/10/1993	Nữ	2.98	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
332	1221030487	Đào Quang	Vinh	20/04/1993	Nam	3.03	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Hệ thống tin địa lý và đo ảnh, viễn thám	DCTDGI57
333	1021030102	Ngô Đức	Lợi	21/04/1992	Nam	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD_55B
334	1221030046	Vũ Văn	Hải	27/01/1992	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
335	1221030063	Nguyễn Tiến	Hòa	6/10/1993	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
336	1221030397	Đậu Ngọc	Son	9/8/1994	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
337	1221030424	Mai Văn	Thắng	29/01/1994	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
338	1221030147	Trần Văn	Thọ	2/9/1993	Nam	2.12	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A
339	1221030150	Đoàn Thị	Thùy	25/12/1994	Nữ	3.10	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDTD57A

20/10/2022

340	1221030005	Trần Tuấn	Anh	31/03/1994	Nam	2.30	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDID57B
341	1221030251	Trần Văn	Ba	1/4/1994	Nam	2.58	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDID57B
342	1221030022	Nguyễn Duy	Doanh	5/11/1994	Nam	2.45	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDID57B
343	1221030071	Ông Khắc	Hoàng	11/10/1994	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDID57B
344	1221030110	Vũ Ngọc	Minh	2/5/1993	Nam	2.69	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDID57B
345	1221030373	Đoàn Thị	Nụ	27/02/1994	Nữ	2.61	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDID57B
346	1221030145	Hồ Xuân	Thịnh	20/03/1994	Nam	2.78	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDID57B
347	1221030173	Đào Văn	Trung	20/10/1994	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDID57B
348	1221030201	Trần Thị	Xuân	11/4/1994	Nữ	2.78	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDID57B
349	1221030166	Lê Quang	Toán	1/9/1994	Nam	2.79	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	DCTDID57C
350	1121030004	Hoàng Thế	Anh	24/07/1993	Nam	2.27	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM56
351	1221030311	Phạm Trung	Hiếu	18/07/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM57
352	1221030303	Tô Văn	Hình	6/12/1994	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM57
353	1221030132	Vũ Công	Son	1/4/1994	Nam	2.53	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM57
354	1221030148	Hoàng Thị	Thoa	14/03/1994	Nữ	3.15	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM57
355	1221030155	Nguyễn Văn	Thủy	27/07/1994	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM57
356	1221030444	Dương Thanh	Tùng	10/10/1992	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa mô-Công trình	DCTDTM57
357	1221030244	Nguyễn Đình	Bách	16/04/1994	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
358	1221070202	Nguyễn Ngọc	Cánh	30/07/1993	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57

205-1002

359	1221070226	Trịnh Văn	Hiền	13/06/1994	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
360	1221070502 D	Hà Văn	Lanh	30/09/1993	Nam	2.05	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
361	1221070110	Trần Lê	Nhất	20/03/1993	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
362	1221070283	Bùi Văn	Tiến	9/8/1994	Nam	2.17	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
363	1221070168	Đỗ Thanh	Tùng	6/3/1994	Nam	2.16	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC57
364	1321070459	Ngô Doãn	Đạt	2/9/1993	Nam	2.92	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	DCXDDC58
365	1221070046	Nguyễn Văn	Giang	3/3/1990	Nam	2.14	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
366	1221070047	Bùi Thế	Hải	20/05/1994	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
367	1221070071	Lê Văn	Hưng	9/11/1994	Nam	2.20	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
368	1221070086	Nguyễn Văn	Lâm	12/2/1994	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
369	1221070091	Trần Trung	Linh	19/09/1994	Nam	2.13	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
370	1221070238	Nguyễn Thành	Long	1/10/1992	Nam	2.38	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
371	1221070104	Trịnh Văn	Minh	1/1/1994	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
372	1221070127	Nguyễn Đức	Quyền	24/01/1993	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	DCXDHT57
373	1221070033	Nguyễn Thế	Đạt	2/10/1994	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57
374	1221070051	Trần Bá	Hạnh	14/06/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57
375	1221070076	Hà Văn	Khải	4/11/1993	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57
376	1221070095	Dương Lê	Lợi	25/02/1993	Nam	2.56	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57
377	1221070241	Nguyễn Đình	Lực	13/12/1994	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57

20/10/2022

378	1221070099	Phạm Văn	Lượng	14/08/1993	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57
379	1221070112	Nguyễn Thị	Niên	10/10/1993	Nữ	2.75	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57
380	1221070128	Vũ Cao	Quyển	14/02/1994	Nam	2.51	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57
381	1221070131	Lê Văn	Son	25/05/1994	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57
382	1221070158	Trần Văn	Trọng	25/04/1993	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mỏ	DCXDNM57
383	1221070017	Nguyễn Duy	Chiến	19/03/1994	Nam	2.57	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm	DCXDXN57
384	1221070034	Nguyễn Văn	Đạt	29/07/1994	Nam	2.29	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm	DCXDXN57
385	1221070038	Lê Văn	Đồ	3/1/1993	Nam	2.70	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm	DCXDXN57
386	1221070070	Đào Thị	Huyền	6/11/1994	Nữ	2.71	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm	DCXDXN57
387	1221070233	Vũ Huy	Khương	7/11/1994	Nam	2.75	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm	DCXDXN57
388	1221070292	Phạm Văn	Trịnh	4/1/1993	Nam	2.71	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm	DCXDXN57

20/1/202

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1847/QĐ-MĐC
Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế "Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-BTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế "Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc "Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ";

Căn cứ Biên bản họp ngày 29 tháng 1 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 58, khóa 59 và khóa 60 hệ chính quy;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 66 sinh viên liên thông cao đẳng lên đại học ngành đào tạo: Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật Điện, điện tử, Kỹ thuật Địa chất, Kế toán, Kỹ thuật Mỏ, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ và Kỹ thuật Công trình xây dựng (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trường phòng Đào tạo Đại học, Trường các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, BTĐH⁽⁰⁴⁾

PGS.TS Lê Hải Sơn



HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2017 (TÍN CHỈ)
(Kèm theo Quyết định số /844 /QĐ-MĐC ngày /8 tháng /8 năm 2017)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TB TN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	1531060017	Lê Hoàng	Chương	8/10/1994	Nam	2.22	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
2	1531060020	Vân Thi	Hằng	22/12/1994	Nữ	3.16	Khá	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
3	1531060027	Vũ Việt	Ninh	13/12/1993	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
4	1531060028	Trình Đức	Thiên	12/10/1993	Nam	2.37	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
5	1531060030	Trần Anh	Tuấn	17/11/1994	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	LCCDCD60
6	1531060006	Hoàng Quang	Long	27/03/1994	Nam	2.18	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK60
7	1531060012	Nguyễn Văn	Tới	15/04/1994	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK60
8	1531060014	Lê Như	Vũ	21/06/1994	Nam	2.06	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LCCDDK60
9	1531020002	Vương Quốc	Anh	28/11/1987	Nam	2.36	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCCD60
10	1531020006	Nguyễn Thành	Công	15/10/1992	Nam	2.24	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCCD60
11	1531020009	Trịnh Quốc	Dũng	8/2/1992	Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCCD60
12	1531020011	Bùi Đình	Giang	4/6/1992	Nam	2.50	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCCD60
13	1531020012	Nguyễn Ngọc	Hà	10/7/1991	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCCD60
14	1531020013	Phạm Thị Thu	Hà	13/06/1994	Nam	2.76	Khá	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCCD60
15	1531020034	Đông Minh	Thắng	17/11/1994	Nam	2.46	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCCD60
16	1531020030	Trần Việt	Thành	1/8/1993	Nam	2.35	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCCD60

20/10/2017

17	1531020037	La Đức	Thịnh	2/4/1993	Nam	2.40	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCC60
18	1531020042	Nguyễn Anh	Tiến	14/05/1980	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCC60
19	1531020045	Nguyễn Đức	Trung	3/11/1993	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCC60
20	1531020046	Nguyễn Mạnh	Tuấn	20/11/1979	Nam	2.26	Trung bình	Kỹ thuật Địa chất	Địa chất	LCDCC60
21	1434010011	Nguyễn Thị Thu	Hiền	26/04/1992	Nữ	2.62	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT59
22	1534010020	Vũ Thị Thanh	Mai	15/11/1994	Nữ	2.67	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT60
23	1534010022	Đặng Thị	Ngọc	7/7/1994	Nữ	2.95	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT60
24	1534010037	Lê Thanh	Trúc	2/9/1993	Nam	3.04	Khá	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	LCKTKT60
25	1431040015	Trần Chiến	Hào	14/07/1992	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO59
26	1531040001	Nguyễn Thế	Cường	27/12/1993	Nam	2.25	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO60
27	1531040021	Nguyễn Văn	Ngọc	24/09/1993	Nam	2.62	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO60
28	1531040406	Nguyễn Đức	Thắng	14/07/1994	Nam	2.71	Khá	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO60
29	1531040032	Nguyễn Văn	Tiếp	23/01/1994	Nam	2.48	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO60
30	1531040043	Lê Bảo	Trung	5/3/1992	Nam	2.21	Trung bình	Kỹ thuật Mỏ	Khai thác mỏ	LCMOMO60
31	1531030409	Phạm Huy	Đạt	1/8/1991	Nam	3.18	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
32	1531030408	Nguyễn Việt	Dũng	26/06/1989	Nam	3.09	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
33	1531030028	Phạm Thị Thanh	Loan	23/07/1994	Nữ	3.16	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
34	1531030039	Hoàng Thị Hồng	Ngọc	7/4/1994	Nữ	3.31	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
35	1531030035	Dương Thúy	Ngọc	13/08/1991	Nữ	3.15	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60

20/5/2022

36	1531030437	Phan Thi	Quỳnh	25/08/1994	Nữ	3.29	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
37	1531030053	Nguyễn Văn	Thứ	3/6/1994	Nam	2.60	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
38	1531030061	Đào Xuân	Tuan	20/03/1993	Nam	3.14	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
39	1531030070	Nguyễn Đức	Vũ	30/09/1992	Nam	3.15	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Địa chính	LCTDDC60
40	1531030314	Phùng Đăng	Tân	10/6/1990	Nam	2.59	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS58
41	1531030324	Phạm Như	Vinh	10/10/1992	Nam	2.23	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS58
42	1531030005	Đặng Thị Hoàng	Anh	21/10/1994	Nữ	3.49	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS60
43	1531030006	Phạm Văn	Bình	18/09/1994	Nam	2.73	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS60
44	1531030012	Vũ Văn	Đức	18/07/1991	Nam	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS60
45	1531030009	Đỗ Quang	Dũng	6/9/1993	Nam	3.07	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS60
46	1531030014	Hoàng Trung	Hải	30/01/1991	Nam	2.84	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS60
47	1531030017	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/12/1993	Nữ	3.43	Giỏi	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS60
48	1531030022	Phạm Quốc	Hung	20/07/1993	Nam	2.86	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS60
49	1531030029	Nguyễn Đức	Mạnh	17/12/1994	Nam	3.19	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS60
50	1531030032	Nhữ Văn	Nam	6/8/1992	Nam	2.49	Trung bình	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS60
51	1531030031	Đỗ Ngọc	Nam	5/7/1984	Nam	2.94	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS60
52	1531030046	Nguyễn Văn	Sang	23/11/1993	Nam	2.66	Khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LCTDTS60
53	1531070306	Nguyễn Văn	Hoàng	26/06/1992	Nam	2.11	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC58
54	1531070007	Bùi Ngọc	Biển	12/8/1992	Nam	2.54	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB

20/10/2022

55	1531070013	Trần Tiến	Dũng	7/9/1992	Nam	2.68	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB
56	1531070032	Đoàn Đức	Long	10/1/1994	Nam	2.74	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB
57	1531070034	Nguyễn Thái	Mạnh	27/12/1994	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB
58	1531070033	Đinh Hùng	Mạnh	31/10/1994	Nam	3.02	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB
59	1531070043	Trần Cao	Nguyễn	17/08/1988	Nam	2.74	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB
60	1531070045	Phạm Thị Hồng	Nhung	2/8/1994	Nam	2.98	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB
61	1531070051	Nguyễn Duy	Son	13/09/1993	Nam	2.33	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB
62	1531070061	Trần Mạnh	Toàn	5/5/1988	Nam	2.55	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB
63	1531070062	Nguyễn Hiếu	Trung	27/12/1992	Nam	2.64	Khá	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	LCXDDC60UB
64	1431070011	Đào Sỹ	Long	12/1/1993	Nam	2.19	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mô	LCXDNM59
65	1431070015	Lê Xuân	Minh	23/06/1993	Nam	2.41	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mô	LCXDNM59
66	1531070071	Dương Quốc	Vương	29/01/1994	Nam	2.32	Trung bình	Kỹ thuật Công trình xây dựng	Xây dựng CT ngầm và mô	LCXDNM60

20/1/2022

Số: 1180/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học khóa 57 và liên thông cao đẳng lên đại học khóa 60 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 03 sinh viên đại học ngành đào tạo: Kỹ thuật Dầu khí và Kỹ thuật Công trình xây dựng (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *lbonan*

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



PGSTS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2017 (TÍN CHỈ)

(Kèm theo Quyết định số 1180 /QĐ-MĐC ngày 20 tháng 12 năm 2017)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	153070011	Phan Trọng Cự	Cự	30/12/1994	Nam	2,63	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng dân dụng và CN	Liên thông Xây dựng - Khóa 60 - Uống Bì
2	1221070107	Trần Văn Nam	Nam	19/06/1993	Nam	2,57	Khá	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xây dựng hạ tầng cơ sở	Xây dựng hạ tầng cơ sở - Khóa 57
3	1221010139	Nguyễn Bá Hoan	Hoan	5/1/1994	Nam	2,32	Trung bình	Kỹ thuật Dầu khí	Thiết bị dầu khí	Thiết bị dầu khí - Khóa 57

—*uu*—

Số: 2124/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy” ban hành kèm theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 06 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản họp ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ-Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên cao đẳng - khóa 56, khóa 57; Liên thông cao đẳng lên đại học - khóa 5, khóa 6 hệ chính quy lưu lại;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học cho 11 sinh viên ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật Điện, điện tử, Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *KLT*

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 224 /QĐ-MĐC ngày 28 tháng 12 năm 2017)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	0811060109	Văn Huy	Lâm	29/5/1989	Nam	5,81	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Tự động hóa	CD Tự động hóa B - Khóa 56
2	1211020112	Đỗ Đình	Luân	21/11/1994	Nam	6,14	Trung bình khá	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CD Địa chất C - Khóa 57
3	1211020040	Trương Văn	Dương	19/12/1992	Nam	5,79	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật địa chất	Địa chất	CD Địa chất C - Khóa 57
4	1231060013	Mạc Trung	Đức	8/6/1990	Nam	6,15	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LT Điện khí hóa - Khóa 5 - Quảng Ninh
5	1231060026	Đào Sông	Kiên	27/07/1990	Nam	7,30	Khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LT Điện khí hóa - Khóa 5 - Quảng Ninh
6	1231060040	Lê Ngọc	Tân	8/1/1990	Nam	5,65	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LT Điện khí hóa - Khóa 5 - Quảng Ninh
7	1231060053	Nguyễn Văn	Trị	9/5/1988	Nam	6,19	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LT Điện khí hóa - Khóa 5 - Quảng Ninh
8	1231060068	Lê Trọng	Tuấn	20/10/1987	Nam	5,95	Trung bình	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LT Điện khí hóa - Khóa 5 - Quảng Ninh
9	1231060058	Nguyễn Văn	Tuấn	24/06/1984	Nam	6,76	Trung bình khá	Kỹ thuật Điện, điện tử	Điện khí hóa	LT Điện khí hóa - Khóa 5 - Quảng Ninh
10	1331060017	Đỗ Duy	Hoàn	20/10/1991	Nam	5,77	Trung bình	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa	Tự động hóa	LT Tự động hóa - Khóa 6
11	1331030087	Phạm Doãn	Quyền	12/6/1988	Nam	6,21	Trung bình khá	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Trắc địa	LT Trắc địa A - Khóa 6

CA NHC

Số: 2958 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 55 - Thanh Hóa;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên Phạm Hữu Thủy sinh ngày 06/3/1991; Chuyên ngành: Luyện-Hóa dầu; Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật hóa học; Điểm Trung bình chung: 2,27; Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *KIS*

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH(04)

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

Số: 2960 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất:

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học Chương trình tiên tiến - khóa 2 và khóa 3 hệ chính quy;

Xét đề nghị của ông Chánh văn phòng Chương trình tiên tiến;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho 03 sinh viên đại học Chương trình tiên tiến - khóa 2 và khóa 3 hệ chính quy ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật hóa học (Có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₁₎



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP - ĐỢT 2 - NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 29/QĐ-MĐC ngày 28 tháng 2 năm 2017)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBTN	Xếp loại TN	Ngành đào tạo	Chuyên ngành	Lớp, khóa
1	CTTT11210131	Đặng Đình	Phan	29/8/1993	Nam	3,17	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT - Khóa 2
	CTTT12210103	Nguyễn Tất	Bách	21/01/1993	Nam	2,56	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT - Khóa 3
2	CTTT12210130	Nguyễn Văn	Quyết	12/7/1994	Nam	2,82	Khá	Công nghệ kỹ thuật hóa học	Lọc-Hóa dầu	CTTT - Khóa 3

Ưt

Số: 2959 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Quy chế “Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Biên bản họp ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Xét kết quả học tập của sinh viên đại học - khóa 55;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học cho sinh viên Nguyễn Hà Nam sinh ngày 10/10/1992; Chuyên ngành: Nguyên liệu khoáng; Ngành đào tạo: Kỹ thuật Địa chất; Điểm Trung bình chung: 2,26; Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên được hưởng mọi chế độ theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *K/t*

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Phó Hiệu trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₄₎



PGS.TS Lê Hải An